

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN ĐẮK GLEI
TỈNH KON TUM**

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

Bản án số: 05/2017/HSST
Ngày: 08/8/2017

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN ĐẮK GLEI TỈNH KON TUM
Với thành phần Hội đồng xét xử gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Bà Y Trinh

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Nguyễn Viết Khang
2. Ông Nguyễn Khắc Tụ

Thư ký ghi biên bản phiên tòa: Ông Hà Văn Kiên - Cán bộ Tòa án nhân dân huyện Đắk Glei tỉnh Kon Tum.

Đại diện VKSND huyện Đắk Glei tỉnh Kon Tum tham gia phiên tòa: Bà Nguyễn Thùy An - Kiểm sát viên.

Hôm nay ngày 08 tháng 8 năm 2017, tại Trụ sở Tòa án nhân dân huyện Đắk Glei tỉnh Kon Tum xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số: 05/2017/HSST ngày 15 tháng 6 năm 2017, Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 05/QĐST – HS ngày 26 tháng 7 năm 2017, đối với bị cáo:

Trương Văn N; tên gọi khác: Trương Huy N; sinh ngày 25 tháng 5 năm 1987, tại BaV, thành phố Hà Nội; nơi đăng ký Hộ khẩu thường trú và chỗ ở hiện nay tại: Thôn Nhân L, xã Xuân S, thị xã Sơn T, Thành phố Hà Nội; Nghề nghiệp: Lao động tự do; Trình độ văn hóa: lớp 8/12; dân tộc: Kinh; quốc tịch: Việt Nam; Con ông Trương V Chiến (đã chết) và bà Đinh Thị Đ (đã chết), tiền án; Không; tiền sự; Không, bị cáo bị bắt tạm giữ, tạm giam từ ngày 11 tháng 4 năm 2017 đến nay (bị cáo có mặt tại phiên tòa).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Khoảng 20 giờ ngày 07 tháng 10 năm 2009, Trương Văn N đang ở nhà A Th; trú tại: thôn Đắk T, xã Đắk M, huyện Đắk Glei xem ti vi thì nhận được điện thoại của Hồ Ngọc Th (bạn cùng làm với N), điện thoại hỏi “*Mày đang ở đâu*”, Trương Văn N trả lời “*Tao đang ở nhà thằng Th*”, rồi Thông nói “*Tới quán cà phê Phố Núi uống cà phê, có mấy đứa hôm trước gây tao, có gì giúp nhau*”, lúc này Trương Văn N nói với A Th “*Mày chở tao xuống quán cà phê Phố Núi tí*”, A Th đồng ý và đi ra dắt xe, nghe Hồ Ngọc Th nói vậy Trương Văn N sợ có chuyện gì nên vào nhà A Th cầm theo một con dao dài (giống mã tấu) đang cất giấu tại nhà A Th, Trương Văn N cầm dao giấu ở sau tay, A Th chở Trương Văn N xuống quán cà phê Phố

Núi tại thôn Brông M, xã Đăk M, huyện Đăk Glei, mục đích Trương Văn N mang theo con dao (mã tấu) là có chuyện gì thì giúp Th và cũng để phòng thân. Khi đến quán cà phê Trương Văn N và A Th đi thẳng vào bàn của Th đang ngồi, tại đây Trương Văn N bỏ con dao (mã tấu) mà N mang theo xuống gầm bàn, Th đã nhìn thấy hành động của N và nghe thấy tiếng “Keng” ở dưới gầm bàn nên nghĩ N cầm theo hung khí. Lúc này Trương Văn N thấy Th đứng dậy đi ra ngoài, vừa đi Th vừa vẫy tay về phía bàn của Trương Công V (bàn bên cạnh), thấy Th vẫy tay nên Ch ở bàn của V đi theo Th ra ngoài. Khi ra đến cửa quán cà phê Phố Núi, Th hỏi Ch “*Tụi bây thấy tao uống cà phê ở đây kéo nhau đến định đợi tao ra về, gây với tao phải không*”, Ch nói “*Không phải*”. Th dùng tay đâm vào mặt của Ch. Ch nắm cổ áo của Th và hô lên. Nghe Ch hô lên, Th cũng gọi “*N ơi ! N ơi*”, khi nghe Th gọi tên mình, Trương Văn N cầm dao (mã tấu) để dưới gầm bàn chạy ra với Th và mấy người kia đang đứng thì Th thấy Trương Văn N cầm dao liên giằng tay của Ch ra khỏi cổ áo của mình và chạy đến chỗ N giật con dao trên tay N chạy đến chỗ Ch đứng, nhưng Ch đã chạy mất, vừa lúc này Trương Công V nghe thấy ồn ào nên đã chạy ra, thấy V, Th vung dao chém liên tiếp hai nhát vào mặt Trương Công V, bị chém bất ngờ nên V chỉ né được một nhát, nhát thứ hai trúng vào gò má trái. Sau khi Th chém V thì mấy người cùng nhóm của V chạy hết, N đi ra thấy A Th đang đứng ngoài đường nên nói A Th chở về nhà rồi Th cũng lên xe A Th chở về nhà, trên đường đi về nhà khi đi đến cột điện 500KV (thôn BRông M, xã Đăk M) N thấy có mấy người quen đang ngồi ngoài đường, nên N nói Th dừng lại rồi N và Th đi đến nói chuyện với mấy người đó, sau đó N đi về trước, khi N về Th có chỉ chỗ cất giấu dao cho N mang về, N lấy dao mang về giấu dưới gầm giường nhà A Th nơi N đang ở sau đó đi ngủ.

Tại bản kết luận giám định pháp y số 184/GĐ –PY ngày 16 tháng 10 năm 2009 của phòng giám định pháp y Bệnh viện Đa khoa tỉnh Kon Tum kết luận Trương Công V bị sẹo gò má trái với tỷ lệ thương tật 11% tạm thời.

Bản cáo trạng số 05/KSĐT – CT ngày 15 tháng 6 năm 2017 của Viện kiểm sát nhân dân huyện Đăk Glei truy tố bị cáo Trương Văn N về tội “**Cố ý gây thương tích**” theo khoản 2 Điều 134 Bộ luật hình sự 2015.

Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát giữ nguyên quyết định truy tố bị cáo về tội “**Cố ý gây thương tích**”, đồng thời đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng Điều 60, khoản 2 Điều 134 BLHS năm 2015; điểm p khoản 1, khoản 2 Điều 46 BLHS năm 1999. Tuyên phạt bị cáo Trương Văn N phạm tội “**Cố ý gây thương tích**”, xử phạt bị cáo từ 18 đến 24 tháng tù nhưng cho hưởng án treo, thời gian thử thách từ 36 đến 48 tháng.

Về trách nhiệm dân sự: Hiện nay không xác định được người bị hại ở đâu nên không có cơ sở để xem xét về trách nhiệm dân sự.

Về xử lý vật chứng: Đã được giải quyết tại bản án hình sự sơ thẩm số: 04/2010/HSST ngày 19/7/2010 nên không đề cập.

Tại phiên tòa, bị cáo khai nhận hành vi phạm tội của mình như cáo trạng đã nêu.

Bị cáo nói lời sau cùng: Bị cáo không trực tiếp gây thương tích cho Trương Công V nhưng hành vi mang dao để giúp sức cho Hồ Ngọc Th gây thương tích cho

Trương Công V là vi phạm pháp luật, bị cáo xin Hội đồng xét xử xem xét giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo.

NHẬN ĐỊNH CỦA HỘI ĐỒNG XÉT XỬ:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu có trong hồ sơ đã được thẩm tra, xét hỏi, tranh luận tại phiên tòa; Hội đồng xét xử nhận thấy như sau:

Về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan điều tra Công an huyện Đắk Glei, Điều tra viên, Viện kiểm sát nhân dân huyện Đắk Glei, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa bị cáo, người làm chứng không có ý kiến, khiếu nại về hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó các hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

Xuất phát từ mâu thuẫn của Hồ Ngọc Th với nhóm của Trương Công V nên ngày 07/10/2009 Hồ Ngọc Th đã chủ động gọi điện thoại cho Trương Văn N, khi nghe điện thoại của Th nói “*Có mấy đĩa hôm trước gây tao, có gì giúp nhau*”, khi nghe Th nói vậy Trương Văn N sợ có chuyện gì xảy ra nên đã chủ động cầm theo dao (mã tấu) với mục đích nếu có chuyện gì thì giúp Th và cũng để phòng thân. Như vậy, hành vi của Trương Văn N tuy không trực tiếp gây thương tích cho người bị hại Trương Công V, nhưng hành vi mang dao (mã tấu), theo quy định tại tiêu mục 2.2 mục 2 phần I Nghị quyết số 02/2003/NQ-HĐTP ngày 17/4/2003 của Hội đồng thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao thì dao (mã tấu) mà bị cáo mang đến quán cà phê để tạo điều kiện cho Hồ Ngọc Th chém Trương Công V gây thương tích với tỷ lệ 11%, là hung khí nguy hiểm.

Như vậy, Hội đồng xét xử có đủ cơ sở khẳng định, bị cáo Trương Văn N đồng phạm với Hồ Ngọc Th phạm tội “Cố ý gây thương tích” với vai trò người giúp sức, tội phạm và hình phạt được quy định tại khoản 2 Điều 104 bộ luật hình sự 1999 (áp dụng hành vi phạm tội tại thời điểm phạm tội). Tuy nhiên theo quy định của Bộ luật hình sự 2015; Nghị quyết số: 41/2017/QH14, ngày 20/6/2017 của Quốc hội về việc thi hành Bộ luật hình sự số: 100/2015/QH13, và các điều khoản có lợi cho người phạm tội thì bị cáo được áp dụng khoản 3 Điều 7, khoản 2 Điều 134 Bộ luật hình sự 2015 để quyết định hình phạt.

Khoản 2 Điều 104 Bộ luật hình sự 1999 quy định:

“2. Phạm tội gây thương tích hoặc gây tổn hại cho sức khỏe của người khác mà tỷ lệ tổn thương cơ thể từ 11% đến 30 % nhưng thuộc một trong các trường hợp quy định tại các điểm từ điểm a đến điểm k khoản 1 Điều này, **thì bị phạt tù từ 02 năm đến 07 năm**”

Khoản 2 Điều 134 Bộ luật hình sự năm 2015 quy định:

“2. Phạm tội gây thương tích hoặc gây tổn hại cho sức khỏe của người khác mà tỷ lệ tổn thương cơ thể từ 11% đến 30 % nhưng thuộc một trong các trường hợp quy định tại các điểm a, b, d, đ, e, g, h, i, k, m, n và o khoản 1 Điều này, **thì bị phạt tù từ 02 năm đến 5 năm**”.

Như vậy, tại thời điểm phạm tội bị cáo bị áp dụng khoản 2 Điều 104 Bộ luật hình sự năm 1999 thì mức hình phạt từ 2 năm đến 7 năm nhưng theo quy định của

Nghị quyết số: 41/2017/QH14, ngày 20/6/2017 của Quốc hội, thì bị cáo được áp dụng khoản 2 Điều 134 Bộ luật hình sự 2015, có mức hình phạt tù từ 2 năm đến 5 năm.

Hành vi trái pháp luật do bị cáo thực hiện là nguy hiểm cho xã hội. Xuất phát từ mối quan hệ bạn bè, lẽ ra bị cáo phải nhận thức được hành vi cầm dao (mã tấu) khi nghe bạn gọi điện là nguy hiểm, có khả năng gây thương tích khi đánh nhau xảy ra mà biết cách xử lý cho phù hợp, trái lại bị cáo lại có ý thức xem thường pháp luật, tính mạng, sức khỏe của người khác, tuy bị cáo không trực tiếp gây thương tích cho người bị hại, nhưng hành vi giúp sức về vật chất cho người khác gây thương tích đã dẫn bị cáo đến con đường phạm tội, hành vi của bị cáo gây mất trật tự tại địa phương, vì vậy đối với bị cáo cần phải xử lý nghiêm để có điều kiện giáo dục và cải tạo để trở thành người có ích cho xã hội sau này. Bị cáo phạm tội với vai trò người giúp sức, sử dụng hung khí nguy hiểm gây thương tích cho Trương Công V 11%, đây là tình tiết định khung theo khoản 2 Điều 134 của Bộ luật.

Xét về tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự theo Điều 48 của Bộ luật hình sự thì bị cáo không phải chịu tình tiết nào

Xét về tình tiết giảm nhẹ thì, trong quá trình điều tra, truy tố và cũng như tại phiên tòa hôm nay bị cáo đã “Thành khẩn khai báo và ăn năn hối cải” về hành vi phạm tội của mình. Sau khi biết mình phạm tội bị cáo đã ra đầu thú.

Xét về nhân thân thì bị cáo là người có nhân thân tốt, không có tiền án tiền sự, bố mẹ bị cáo mất sớm không được ăn học đến nơi đến chốn, bị cáo nhất thời phạm tội.

Do vậy, Hội đồng xét xử xét thấy cần cho bị cáo được hưởng các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại điểm p khoản 1, khoản 2 Điều 46 của Bộ luật hình sự là phù hợp với quy định của pháp luật. Bị cáo có nơi cư trú rõ ràng, có khả năng tự cải tạo, nếu không bắt bị cáo đi chấp hành hình phạt tù thì cũng không ảnh hưởng công cuộc đấu tranh và phòng chống tội phạm, vì vậy cần chấp nhận lời đề nghị của Viện kiểm sát, thấy không cần cách ly bị cáo ra khỏi đời sống chung của xã hội.

Về trách nhiệm dân sự: Hiện không xác định được người bị hại cư trú ở đâu nên chưa có cơ sở để xem xét về trách nhiệm dân sự, vì vậy Hội đồng xét xử xét thấy cần phải tách phần trách nhiệm dân sự, sẽ được giải quyết bằng một vụ án khác theo thủ tục tố tụng dân sự khi có yêu cầu.

Về vật chứng của vụ án: Đã được giải quyết tại bản án hình sự sơ thẩm số: 04/2010/HSST ngày 19/7/2010 nên không đề cập.

Về án phí: Bị cáo Trương Văn N phải nộp tiền án phí hình sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên:

QUYẾT ĐỊNH

Tuyên bố bị cáo Trương Văn N; tên gọi khác: Trương Huy N phạm tội “**Cố ý gây thương tích**”

Áp dụng: Khoản 2 Điều 104; điểm p khoản 1; khoản 2 Điều 46; Điều 60 của Bộ luật hình sự năm 1999. Nghị quyết số 41/2017/QH 14, ngày 20/6/2017 của Quốc hội; khoản 3 Điều 7; khoản 2 Điều 134 của Bộ luật hình sự 2015.

Xử phạt bị cáo Trương Văn N 18 (mười tám) tháng tù, nhưng cho hưởng án treo, thời gian thử thách là 36 (ba mươi sáu) tháng, tính từ ngày tuyên án (ngày 08/8/2017), giao bị cáo cho Ủy ban nhân dân xã Xuân S, thị xã Sơn T, Thành phố Hà Nội theo dõi, giám sát giáo dục, trong thời gian chấp hành án.

Căn cứ Điều 227 của Bộ luật tố tụng hình sự tuyên trả tự do tại phiên tòa cho bị cáo đang bị tạm giam, nếu bị cáo không bị tạm giam về một tội phạm khác.

Về trách nhiệm dân sự: Căn cứ Điều 28 của Bộ luật tố tụng hình sự; tách phần trách nhiệm dân sự, khi người bị hại có yêu cầu thì sẽ được giải quyết bằng một vụ án khác theo thủ tục tố tụng dân sự

Căn cứ Điều 99 BLTTHS; khoản 1 Điều 21; điểm a khoản 1 Điều 23 của Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH ngày 30 tháng 12 năm 2016; buộc bị cáo phải nộp 200.000 đồng (hai trăm nghìn đồng) tiền án phí hình sự sơ thẩm để nộp vào ngân sách Nhà nước.

Căn cứ các Điều 231, 234 của Bộ luật tố tụng hình sự; bị cáo có quyền kháng cáo bản án này trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

“Trường hợp Bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự; Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự”.

Nơi nhận:

- TAND cấp cao, tại TP Đà Nẵng;
- TAND tỉnh Kon Tum;
- VKSND huyện Đắk Glei;
- Công an huyện Đắk Glei;
- Bị cáo;
- Lưu HSA.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa

Y Trình

